

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

BẢN SO SÁNH

Dự thảo sửa đổi, bổ sung "Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội" so với "Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội" ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 04/6/2024

Định mức ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật	Thuyết minh
I. CĂN CỨ, NGUYÊN TẮC VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG 1. Các căn cứ xây dựng định mức a) Văn bản của Quốc hội	Giữ nguyên	Do định mức đã được xây dựng theo các căn cứ cũ tại thời điểm ban hành; chỉ bổ sung các văn bản QPPL có liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp.
	<i>- Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025.</i>	Bổ sung do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.
b) Văn bản của Chính phủ		
	<i>- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của</i>	Bổ sung do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

Định mức ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật	Thuyết minh
	<i>chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	
II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG 1. Phạm vi điều chỉnh	Giữ nguyên	
+ Trạm bơm, hồ chứa; hệ thống dẫn, chuyển nước có chiều rộng đáy từ 05 m đến dưới 25 m theo phân cấp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.	+ Trạm bơm, hồ chứa; hệ thống dẫn, chuyển nước có chiều rộng đáy từ 05 m đến dưới 25 m theo phân cấp do Ủy ban nhân dân cấp <i>xã</i> quản lý.	Sửa đổi để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.
2. Phân khu vực như sau	Giữ nguyên	
a) Khu vực 1 Địa bàn cấp huyện có địa hình đồi, núi và có hồ chứa thủy lợi. Bao gồm các huyện: Sóc Sơn, Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức và thị xã Sơn Tây.	a) Khu vực 1 Địa bàn cấp <i>xã</i> có địa hình đồi, núi và có hồ chứa thủy lợi. Bao gồm các <i>phường: Sơn Tây, Tùng Thiện và các xã: Ba Vì, Bát Bạt, Cổ Đô, Đa Phúc, Đoài Phương, Hạ Bằng, Hòa Lạc, Hòa Phú, Hồng Sơn, Hưng Đạo, Hương Sơn, Kiều Phú, Kim Anh, Minh Châu, Mỹ Đức, Nội Bài, Phú Cát, Phú Nghĩa, Phúc Sơn, Quảng Bị, Quảng Oai, Quốc Oai, Sóc Sơn, Suối Hai, Tây Phương, Thạch Thất, Trần Phú, Trung Giã, Vật Lại, Xuân Mai, Yên Bài, Yên Xuân.</i>	Sửa đổi để phù hợp với phân chia đơn vị hành chính cấp xã khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Các xã, phường cơ bản dựa trên địa bàn của cấp huyện tại Định mức cũ, theo nguyên tắc diện tích lớn nhất nằm trên địa bàn cấp huyện cũ nào thì lấy khu vực theo địa bàn cấp huyện đó.
b) Khu vực 2 Địa bàn các quận có sản xuất nông nghiệp và các huyện giáp ranh quận có tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp thấp dưới 50 % so với diện tích tự nhiên. Bao gồm các quận: Long Biên, Hoàng Mai, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hà Đông và các	b) Khu vực 2 Địa bàn <i>các phường</i> có sản xuất nông nghiệp và các <i>xã</i> giáp ranh <i>phường</i> có tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp thấp dưới 50 % so với diện tích tự nhiên. Bao gồm các <i>phường: Bồ Đề, Chương Mỹ, Đại Mỗ, Định Công, Đông Ngạc, Dương Nội, Hà Đông,</i>	Sửa đổi để phù hợp với phân chia đơn vị hành chính cấp xã khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Các xã, phường cơ bản dựa trên địa bàn của cấp huyện tại Định mức cũ, theo nguyên tắc diện tích lớn nhất

Định mức ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật	Thuyết minh
huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.	<i>Hoàng Liệt, Kiến Hưng, Phú Diễn, Phú Lương, Phúc Lợi, Tây Mỗ, Tây Tựu, Thanh Liệt, Thượng Cát, Từ Liêm, Xuân Đình, Xuân Phương, Yên Nghĩa, Yên Sở và các xã: An Khánh, Bát Tràng, Đại Thanh, Đan Phượng, Đông Anh, Dương Hòa, Gia Lâm, Hoài Đức, Liên Minh, Nam Phú, Ngọc Hồi, Ô Diên, Phù Đổng, Phúc Thịnh, Sơn Đồng, Thanh Trì, Thiên Lộc, Thu Lâm, Thuận An, Vĩnh Thanh.</i>	nằm trên địa bàn cấp huyện cũ nào thì lấy khu vực theo địa bàn cấp huyện đó.
c) Khu vực 3 Địa bàn các huyện còn lại, bao gồm: Mê Linh, Phúc Thọ, Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên và Ứng Hoà.	c) Khu vực 3 Địa bàn các xã còn lại, bao gồm: <i>Bình Minh, Chương Dương, Chuyên Mỹ, Đại Xuyên, Dân Hòa, Hát Môn, Hòa Xá, Hồng Vân, Mê Linh, Phú Xuyên, Phúc Lộc, Phúc Thọ, Phượng Dực, Quang Minh, Tam Hưng, Thanh Oai, Thượng Phúc, Thường Tín, Tiến Thắng, Ứng Hòa, Ứng Thiên, Vân Đình, Yên Lãng.</i>	Sửa đổi để phù hợp với phân chia đơn vị hành chính cấp xã khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Các xã, phường cơ bản dựa trên địa bàn của cấp huyện tại Định mức cũ, theo nguyên tắc diện tích lớn nhất nằm trên địa bàn cấp huyện cũ nào thì lấy khu vực theo địa bàn cấp huyện đó.
Căn cứ các tiêu chí phân khu vực như trên, nếu địa phương cấp huyện nào thay đổi phù hợp tiêu chí, Sở Nông nghiệp và PTNT trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh khu vực cho địa phương đó.	Căn cứ các tiêu chí phân khu vực như trên, nếu địa phương cấp xã nào thay đổi phù hợp tiêu chí, Sở Nông nghiệp và <i>Môi trường</i> trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh khu vực cho địa phương đó.	Sửa đổi để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.
II. Mã hiệu B.1000: Định mức kiểm tra thường xuyên kênh và công trình trên kênh	Giữ nguyên	

Định mức ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật	Thuyết minh
3. Quy định áp dụng	Giữ nguyên	
- Địa bàn đô thị là địa bàn các quận thuộc thành phố Hà Nội; địa bàn còn lại là ngoài đô thị.	- Địa bàn đô thị là <i>các phường trên địa bàn thành phố Hà Nội, tỉnh Ninh Bình</i> ; địa bàn còn lại là ngoài đô thị.	Sửa đổi để phù hợp với phân chia đơn vị hành chính đô thị khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.
	- <i>Đối với đoạn kênh có 01 bờ thuộc xã, 01 bờ thuộc phường thì địa bàn áp dụng cho đoạn kênh đó là đô thị.</i>	Bổ sung để thống nhất áp dụng.
4. Yêu cầu chất lượng	Giữ nguyên	
	Bổ sung vào cuối mục 4: "- <i>Nếu không kịp thời phát hiện vi phạm, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý, để xảy ra vi phạm kéo dài thì không được thanh toán kinh phí kiểm tra của đoạn công trình đó, trên địa bàn cấp xã đó, kể từ khi phát sinh vi phạm cho đến khi vi phạm được xử lý theo quy định.</i> "	Trong thời gian qua đã phát sinh nhiều vụ việc vi phạm có quy mô lớn, Công ty thủy lợi mới lập hồ sơ, gửi UBND cấp xã, dẫn đến khó xử lý. Vì vậy cần phải bổ sung nội dung này để nâng cao trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và phối hợp xử lý vi phạm.
Bảng 13. Hệ số điều chỉnh định mức điện bơm tưới theo cột nước bơm và hệ số lợi dụng kênh mương theo địa bàn các đơn vị quản lý	Giữ nguyên	
Tiêu đề cột trong Bảng: "Cấp huyện quản lý"	Tiêu đề cột trong Bảng: "Cấp <i>xã</i> quản lý"	Sửa đổi để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.
Bảng 16. Định mức chi phí quản lý	Giữ nguyên	

Định mức ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật	Thuyết minh
Tiêu đề dòng trong Bảng: "Cấp huyện quản lý"	Tiêu đề dòng trong Bảng: "Cấp xã quản lý"	Sửa đổi để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.
XIII. Mã hiệu K.1000: Định mức chi phí bảo trì	Giữ nguyên	
<p>1. Chi phí bảo trì</p> <p>Là chi phí bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi (bao gồm cả nguyên, vật liệu cho công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên; vận chuyên bèo, rác, phê thải đến bãi đê; công cụ, dụng cụ v.v..) nhằm chống xuống cấp, đảm bảo cho công trình hoạt động an toàn, hiệu quả, đạt năng lực thiết kế. Định mức chi phí bảo trì áp dụng chung cho công trình do Thành phố quản lý và phân cấp cho cấp huyện quản lý.</p>	<p>1. Chi phí bảo trì</p> <p>Là chi phí bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi (bao gồm cả nguyên, vật liệu cho công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên; vận chuyên bèo, rác, phê thải đến bãi đê; công cụ, dụng cụ v.v..) nhằm chống xuống cấp, đảm bảo cho công trình hoạt động an toàn, hiệu quả, đạt năng lực thiết kế. Định mức chi phí bảo trì áp dụng chung cho công trình do Thành phố quản lý và phân cấp cho cấp xã quản lý.</p>	Sửa đổi để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.
XIV. Mã hiệu L.1000: Lợi nhuận định mức		
<p>1. Lợi nhuận định mức (đối với doanh nghiệp) hoặc quỹ hợp tác xã (đối với hợp tác xã) bao gồm quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động; quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (đối với công trình theo phân cấp do Thành phố quản lý, giao các doanh nghiệp thủy lợi) và Điều 43 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP (đối với công trình phân cấp cho UBND cấp huyện quản lý, giao các hợp tác xã). Lợi nhuận định mức được quy đổi ra tỷ lệ % của các</p>	<p>1. Lợi nhuận định mức (đối với doanh nghiệp) hoặc quỹ hợp tác xã (đối với hợp tác xã) bao gồm quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động; quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (đối với công trình theo phân cấp do Thành phố quản lý, giao các doanh nghiệp thủy lợi) và Điều 43 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP (đối với công trình phân cấp cho UBND cấp xã quản lý, giao các hợp tác xã). Lợi nhuận định mức được quy đổi ra tỷ lệ % của các</p>	Sửa đổi để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

Định mức ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật	Thuyết minh
khoản tương ứng với xếp loại doanh nghiệp, xếp loại hợp tác xã như sau:	khoản tương ứng với xếp loại doanh nghiệp, xếp loại hợp tác xã như sau:	
Bảng 18. Lợi nhuận định mức	Giữ nguyên	
Tiêu đề dòng trong Bảng: "Cấp huyện quản lý"	Tiêu đề dòng trong Bảng: "Cấp <i>xã</i> quản lý"	Sửa đổi để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.